

Bản án số: 143/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-5-2024  
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.  
2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Phan Ngọc T**, sinh năm 1989.

- **Bị đơn:** Bà **Bùi Quang T1**, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: **Số F, tổ A, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**  
(Bà **T** có đơn xin vắng mặt, ông **T1** vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà **Phan Ngọc T** trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông **T1** tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2013 ngày 06/9/2013. Từ khi hai vợ chồng bà kết hôn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng bất đồng, vì vậy thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông **T1**.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông **Bùi Quang T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 03/4/2024 ông **T1** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà **T** chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn được như lúc mới cưới. Nay bà **T** làm đơn xin ly hôn thì ông không đồng ý. Lý do ông không muốn gia đình đổ vỡ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

\* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà **T** và ông **T1** không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà **T** yêu cầu ly hôn với ông **T1** là có căn cứ theo quy định của pháp luật. Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà **T** phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà **Phan Ngọc T** yêu cầu được ly hôn với ông **Bùi Quang T1**. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”; bà **Phan Ngọc T** là nguyên đơn, ông **Bùi Quang T1** là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bà **Phan Ngọc T** nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông **Bùi Quang T1** hiện đang cư trú tại phường A, thành phố B, tỉnh **Đồng Nai**. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà **T** có đơn xin xét xử vắng mặt, ông **T1** đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **T**, ông **T1** theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Ngọc T và ông Bùi Quang T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2013 ngày 06/9/2013 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Từ khi hai vợ chồng bà kết hôn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong vấn đề cuộc sống. Bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng bất đồng, vì vậy thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Bà T xác định không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc nên xin được ly hôn với ông T1.

Tại bản tự khai ngày 03/4/2024 bị đơn ông Bùi Quang T1 cũng thừa nhận trong cuộc sống gia đình ông có xảy một số mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn do không muốn gia đình đổ vỡ nhưng lại không đưa ra được phương án nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Vào ngày 03/4/2024 ông T1 đến Tòa án làm bản tự khai một lần sau đó thì ông T1 vắng mặt không rõ lý do trong quá trình giải quyết vụ án. Không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ sau và phiên tòa, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông T1 không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà T.

Qua kết quả xác minh tại Công an phường A, thành phố B thể hiện nội dung: ông Bùi Quang T1 hiện đang sinh sống tại địa chỉ 640, tổ A, khu phố A, phường A, thành phố B.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B thể hiện địa phương không nắm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông T1.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông T1 là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1 để trả tự do cả hai là phù hợp.

[5] Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 56, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc T. Bà Phan Ngọc T được ly hôn với ông Bùi Quang T1.

2. Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phan Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002026 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. Biên Hòa;
- VKS TP Biên Hòa;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

**Trần Thị Thúy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị T2**

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. Biên Hoà;
- VKS TP Biên Hoà;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

**Trần Thị Thúy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thành Thị Thu T3**